

Họ và tên học sinh : Số báo danh :
Lớp:.....Phòng:.....

Mã đề 001

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Ở mỗi câu hỏi, thí sinh chọn 1 đáp án đúng.

Câu 1. Hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay **không** bao gồm chính sách nào sau đây?

- A. Chính sách bảo hiểm xã hội.
- B. Chính sách về ngân sách nhà nước và thuế.
- C. Chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo.
- D. Chính sách trợ giúp xã hội.

Câu 2. Đối với nước ta, một trong những điều kiện tiên quyết để khắc phục sự tụt hậu về kinh tế mà Đảng và Nhà nước phải nỗ lực không ngừng là

- A. đầu tư cho an ninh, quốc phòng.
- B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- C. điều chỉnh chính sách dân số.
- D. phát triển văn hoá.

Câu 3. Sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, tai nạn lao động, hết tuổi lao động,... là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp.
- B. Bảo hiểm thương mại.
- C. Bảo hiểm y tế.
- D. Bảo hiểm xã hội.

Câu 4. Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Xóa bỏ định kiến về giới.
- B. Chia đều lợi nhuận khu vực.
- C. Phát triển sản xuất và dịch vụ.
- D. Hướng chế độ phụ cấp khu vực.

Câu 5. Đối với mỗi quốc gia, an sinh xã hội là một trong những tiêu chí đánh giá sự

- A. vi phạm dân quyền.
- B. phát triển kinh tế.
- C. bất công xã hội.
- D. tiến bộ xã hội.

Câu 6. Trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là

- A. tình trạng khẩn cấp.
- B. nhu cầu tối thiểu.
- C. quá trình đơn lẻ.
- D. tất yếu khách quan.

Câu 7. Tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** có vai trò nào dưới đây?

- A. Nâng cao năng xuất lao động.
- B. Làm cạn kiệt nguồn tài nguyên.
- C. Khai thác tiềm năng kinh tế.
- D. Phát triển lực lượng sản xuất.

Câu 8. Một trong những mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm nhằm giúp người dân

- A. phòng ngừa thất nghiệp.
- B. phòng ngừa rủi ro.
- C. xóa đói giảm nghèo.
- D. xóa bỏ nhà tạm.

Câu 9. Điều **không** phải là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Kiểm chế được sự gia tăng dân số.
- B. Tiến bộ xã hội.
- C. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.
- D. Tăng trưởng kinh tế.

Câu 10. Theo quy định của pháp luật, với người tham gia loại hình bảo hiểm xã hội trường hợp nào dưới

đây người tham gia bảo hiểm **không** được nhận quyền lợi bảo hiểm?

- A. Do hết tuổi lao động theo quy định
- B. Ốm đau hoặc tai nạn lao động.
- C. Thai sản hoặc bệnh nghề nghiệp.
- D. Do bị sa thải vì vi phạm kỷ luật.

Câu 11. Một trong những mục tiêu của việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội là nhằm giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội có thể

- A. gia tăng giàu nghèo.
- B. từ bỏ cuộc sống.
- C. ổn định cuộc sống.
- D. mặc cảm và tự ti.

Câu 12. Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Cơ cấu dòng tiền.
- B. Tiến bộ xã hội.
- C. Mức sống bình dân.
- D. Tăng trưởng dân số.

Câu 13. Quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới được hiểu là

- A. hội nhập kinh tế.
- B. phát triển kinh tế.
- C. tăng trưởng kinh tế.
- D. nhiệm vụ kinh tế.

Câu 14. Tổng thu nhập quốc dân được gọi là

- A. GNP.
- B. GNI.
- C. GPN.
- D. GIN.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 15, 16, 17.

Đầu năm 2023, chị T ký hợp đồng lao động với công ty X và được công ty tiến hành các thủ tục đóng bảo hiểm với cơ quan chức năng. Mức phí bảo hiểm do chị T và công ty cùng đóng góp theo quy định. Đến giữa năm 2023, chị T không may bị bệnh nghề nghiệp và nhận được trợ cấp từ quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của bảo hiểm xã hội. Nhờ đó, chị có kinh phí để điều trị bệnh và trang trải cuộc sống. Ngoài ra, chị T còn được hưởng các chế độ bảo hiểm khác bao gồm ốm đau, thai sản, hưu trí và tử tuất.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với chị T?

- A. Nhận trợ cấp khi tai nạn, ốm đau.
- B. Bị mắc bệnh nghề nghiệp.
- C. Được hỗ trợ đóng phí bảo hiểm
- D. Ký kết hợp đồng làm việc.

Câu 16. Loại hình bảo hiểm mà chị T tham gia là loại hình

- A. bảo hiểm dân sự bắt buộc.
- B. bảo hiểm phi thương mại.
- C. bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- D. bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Câu 17. Theo quy định của pháp luật, công ty X và chị T **không** bắt buộc phải tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp.
- B. Bảo hiểm y tế.
- C. Bảo hiểm nhân thọ.
- D. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 18, 19.

Từ ngày 11/1/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), sự kiện lớn này đã để lại nhiều dấu ấn tích cực trên hành trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

(Trích Báo điện tử Chính phủ ngày 10/1/2022)

Câu 18. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, thông qua quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ góp phần tạo ra

- A. những chủng tộc mới.
- B. nhiều cơ hội việc làm.
- C. những đảng phái mới.
- D. nhiều lãnh thổ mới.

Câu 19. Việc gia nhập WTO là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Toàn cầu.
- B. Toàn quốc.
- C. Khu vực.
- D. Song phương.

Câu 20. Đối với hoạt động kinh tế đối ngoại thì các dịch vụ quốc tế như du lịch, giao thông vận tải, xuất

nhập khẩu lao động,... có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ được gọi là

- A. thúc đẩy xuất, nhập hàng hoá.
- B. tăng cường đầu tư quốc tế.
- C. mở rộng thương mại quốc tế.
- D. tạo nguồn thu ngoại tệ.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21, 22.

Năm 2023 đã chứng kiến nhiều cột mốc quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Ngoài việc thực hiện 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA), Việt Nam còn kí kết FTA song phương với Israel (VIFTA) và hoàn tất đàm phán với UAE mở ra cánh cửa thị trường Trung Đông, với quy mô GDP khoảng 2 000 tỉ USD.

(Theo: Báo Mới, “Dấu ấn hội nhập kinh tế quốc tế năm 2023”, ngày 02/01/2024).

Câu 21. Việc Việt Nam tham gia hợp tác kinh tế quốc tế với Israel (VIFTA) thể hiện cấp độ nào của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Cấp độ đa phương.
- B. Cấp độ khu vực.
- C. Cấp độ toàn cầu.
- D. Cấp độ song phương.

Câu 22. Việc Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) sẽ đem lại lợi ích gì?

- A. Thu hẹp thị trường xuất, nhập khẩu.
- B. Giảm nguy cơ cạnh tranh.
- C. Mở rộng thị trường xuất khẩu.
- D. Tách biệt mối quan hệ kinh tế.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24.

Phát triển vì con người là mô hình được Đảng và Nhà nước lựa chọn trong quá trình vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Theo đó, yêu cầu đặt ra là tăng trưởng và phát triển kinh tế hiệu quả phải gắn với việc phát triển con người. Trong thời gian qua, tăng trưởng kinh tế tuy đã có tác động tích cực đến phát triển con người, nhưng hiệu ứng tác động tích cực đang có xu hướng giảm dần. Do đó, định hướng và những giải pháp cần thiết để hướng thành quả tăng trưởng kinh tế vào phát triển con người một cách hiệu quả nhất là cần thiết hiện nay để nhằm mục tiêu hướng đến các giá trị phát triển con người.

(Theo: Tạp chí Cộng sản, “Tác động của phát triển kinh tế đến phát triển con người ở Việt Nam: Vấn đề và giải pháp”, ngày 29/8/2019).

Câu 23. Đặc trưng của mô hình Phát triển vì con người là hướng thành quả của tăng trưởng kinh tế vào phát triển

- A. con người.
- B. xã hội.
- C. văn hoá.
- D. khoa học.

Câu 24. Để tạo điều kiện cho mọi người đều có việc làm và thu nhập ổn định, có cuộc sống ấm no, có điều kiện chăm sóc sức khỏe, nâng cao tuổi thọ..., Nhà nước kiên trì theo đuổi mục tiêu

- A. đa phương hoá trong quan hệ quốc tế.
- B. đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ.
- C. ưu tiên, đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo.
- D. tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cùng với nhiều chính sách hỗ trợ đặc biệt nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi nói chung, Đảng và Nhà nước còn ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dành riêng cho vùng Tây Nguyên như: giao đất, giao rừng cho và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hưởng quyền lợi theo quy định của Luật Đất đai, người dân có sinh kế gắn với các hoạt động trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; Mở rộng nhiều đối tượng, loại hình cho vay khác nhau, nguồn vốn, định mức vay đã được tăng lên; chính sách hỗ trợ kinh phí, sách giáo khoa, gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số; công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm được triển khai liên tục, rộng khắp, bằng nhiều giải pháp khác nhau và mang lại nhiều kết quả tích cực”.

(Trích Tạp chí cộng sản công thông tin điện tử ngày 19/1/2023)

a) Ở Tây nguyên, chỉ có đồng bào dân tộc thiểu số mới được hưởng các chính sách an sinh xã hội.

- b) Hỗ trợ chi phí học tập giúp học sinh có điều kiện đến trường là một trong những biểu hiện của chính sách an sinh xã hội .
- c) Việc mở rộng và thực hiện đồng bộ nhiều chính sách an sinh xã hội đã giúp đồng bào thiểu số Tây nguyên có điều kiện phát triển kinh tế.
- d) Các chính sách an sinh xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây nguyên được thực hiện trong một vài năm nhất định.

Câu 2. Cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam giai đoạn 1986 – 2022 đã chuyển dịch theo đúng quy luật của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cụ thể: Tỷ trọng nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GDP có xu hướng giảm xuống, từ mức 38,06 % năm 1986 giảm xuống còn 24,53 % năm 2000 và còn 11,88 % vào năm 2022 (bình quân giảm 0,73%/năm); Tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng có xu hướng tăng mạnh nhất, từ mức 28,88 % năm 1986 lên mức 36,73 % năm 2000 và đạt mức 38,26 % vào năm 2022 (bình quân tăng 0,26 %/năm); Tỷ trọng nhóm ngành dịch vụ cũng có xu hướng tăng lên, từ mức 33,06 % năm 1986 lên mức 38,74 % năm 2000 và đạt mức 41,33 % vào năm 2022 (bình quân tăng 0,23 %/năm). Đây mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế là con đường duy nhất để Việt Nam hiện thực hoá mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại trong thời gian tới.

(Theo: Tạp chí Tài chính, “Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam”, ngày 19/11/2023)

- a) Trong những năm gần đây, cơ cấu ngành kinh tế của nước ta chậm có sự chuyển biến theo hướng tiên bộ.
- b) Cơ cấu của một nền kinh tế bao gồm cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế và cơ cấu xây dựng kinh tế.
- c) Việt Nam chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiên bộ là tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp.
- d) Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý để giúp nước ta thu hẹp khoảng cách phát triển với thế giới.

Câu 3. Năm 2008, toàn quốc chỉ có 39,7 triệu người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT), đạt tỷ lệ 46,1% dân số. Đến năm 2023, cả nước đã có hơn 93,3 triệu người tham gia BHYT, tăng gấp 2,3 lần so với năm 2008, đạt tỷ lệ 93,35% dân số, tiệm cận với mục tiêu BHYT toàn dân. Hằng năm, bình quân có trên 150 triệu lượt người khám chữa bệnh BHYT với số tiền quỹ BHYT chi trả trên 100 nghìn tỷ đồng. Hệ thống khám chữa bệnh BHYT được tổ chức tốt từ trung ương đến địa phương, bao gồm các cơ sở khám chữa bệnh công lập và tư nhân đã tạo thuận lợi giúp người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ khám chữa bệnh BHYT.”

(Trích Cổng thông tin điện tử Bộ y tế, ngày 24/4/2024)

- a) Quỹ bảo hiểm y tế chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế cho người dân.
- b) Chỉ có các cơ sở khám chữa bệnh công lập mới áp dụng dịch vụ khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế.
- c) Hệ thống khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế ngày càng mở rộng giúp người dễ tiếp cận.
- d) Các đối tượng quy định trong Luật Bảo hiểm y tế đều tham gia bảo hiểm y tế được gọi là bảo hiểm y tế toàn dân.

Câu 4. Theo khảo sát về thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam năm 2022, thị trường lao động trong nước chỉ có khoảng 11 % lao động có kỹ năng nghề cao và hơn 26 % người lao động đã qua đào tạo. Đáng chú ý, chỉ 5 % lao động có trình độ tiếng Anh. Thu nhập bình quân của lao động Việt Nam thấp hơn khá nhiều so với lao động trong khu vực và thế giới. Nếu không chú trọng cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, Việt Nam sẽ mất dần sức hấp dẫn thu hút đầu tư nước ngoài.

(Theo: Báo Tin tức Thông tấn xã Việt Nam, “Việt Nam đang thiếu nguồn lao động có kỹ năng nghề cao”, ngày 22/08/2022)

- a) Thông tin trên cho thấy, Việt Nam cần gia tăng tỷ trọng lao động chất lượng cao trên thị trường lao động.
- b) Trong xu thế hội nhập, trình độ tiếng Anh là yếu tố duy nhất góp phần thu hút đầu tư nước ngoài.
- c) Chất lượng nguồn nhân lực ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.
- d) Ở Việt Nam, xu hướng chuyển dịch lao động gắn với kỹ năng mềm ngày càng trở nên cần thiết.

----- HẾT -----

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên học sinh : Số báo danh :
Lớp:.....Phòng:.....

Mã đề 002

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Ở mỗi câu hỏi, thí sinh chọn 1 đáp án đúng.

Câu 1. Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Cơ cấu dòng tiền. B. Tiến bộ xã hội.
C. Tăng trưởng dân số. D. Mức sống bình dân.

Câu 2. Một trong những mục tiêu của việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội là nhằm giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội có thể

- A. từ bỏ cuộc sống. B. mặc cảm và tự ti.
C. ổn định cuộc sống. D. gia tăng giàu nghèo.

Câu 3. Đối với nước ta, một trong những điều kiện tiên quyết để khắc phục sự tụt hậu về kinh tế mà Đảng và Nhà nước phải nỗ lực không ngừng là

- A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. B. đầu tư cho an ninh, quốc phòng.
C. điều chỉnh chính sách dân số. D. phát triển văn hoá.

Câu 4. Đâu **không** phải là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.
B. Kiểm chế được sự gia tăng dân số.
C. Tiến bộ xã hội.
D. Tăng trưởng kinh tế.

Câu 5. Quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới được hiểu là

- A. tăng trưởng kinh tế. B. phát triển kinh tế.
C. hội nhập kinh tế. D. nhiệm vụ kinh tế.

Câu 6. Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Hưởng chế độ phụ cấp khu vực. B. Phát triển sản xuất và dịch vụ.
C. Xóa bỏ định kiến về giới. D. Chia đều lợi nhuận khu vực.

Câu 7. Sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, tai nạn lao động, hết tuổi lao động,... là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo hiểm thương mại. B. Bảo hiểm xã hội.
C. Bảo hiểm thất nghiệp. D. Bảo hiểm y tế.

Câu 8. Tổng thu nhập quốc dân được gọi là

- A. GNP. B. GPN. C. GIN. D. GNI.

Câu 9. Theo quy định của pháp luật, với người tham gia loại hình bảo hiểm xã hội trường hợp nào dưới đây người tham gia bảo hiểm **không** được nhận quyền lợi bảo hiểm?

- A. Do bị sa thải vì vi phạm kỷ luật.
B. Do hết tuổi lao động theo quy định
C. Ốm đau hoặc tai nạn lao động.
D. Thai sản hoặc bệnh nghề nghiệp.

Câu 10. Đối với mỗi quốc gia, an sinh xã hội là một trong những tiêu chí đánh giá sự

- A. phát triển kinh tế.
- B. bất công xã hội.
- C. tiến bộ xã hội.
- D. vi phạm dân quyền.

Câu 11. Hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay **không** bao gồm chính sách nào sau đây?

- A. Chính sách trợ giúp xã hội.
- B. Chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo.
- C. Chính sách bảo hiểm xã hội.
- D. Chính sách về ngân sách nhà nước và thuế.

Câu 12. Một trong những mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm nhằm giúp người dân

- A. xóa đói giảm nghèo.
- B. phòng ngừa rủi ro.
- C. xóa bỏ nhà tạm.
- D. phòng ngừa thất nghiệp.

Câu 13. Trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là

- A. quá trình đơn lẻ.
- B. nhu cầu tối thiểu.
- C. tình trạng khẩn cấp.
- D. tất yếu khách quan.

Câu 14. Tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** có vai trò nào dưới đây?

- A. Khai thác tiềm năng kinh tế.
- B. Nâng cao năng xuất lao động.
- C. Làm cạn kiệt nguồn tài nguyên.
- D. Phát triển lực lượng sản xuất.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 15, 16, 17.

Đầu năm 2023, chị T ký hợp đồng lao động với công ty X và được công ty tiến hành các thủ tục đóng bảo hiểm với cơ quan chức năng. Mức phí bảo hiểm do chị T và công ty cùng đóng góp theo quy định. Đến giữa năm 2023, chị T không may bị bệnh nghề nghiệp và nhận được trợ cấp từ quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của bảo hiểm xã hội. Nhờ đó, chị có kinh phí để điều trị bệnh và trang trải cuộc sống. Ngoài ra, chị T còn được hưởng các chế độ bảo hiểm khác bao gồm ốm đau, thai sản, hưu trí và tử tuất.

Câu 15. Theo quy định của pháp luật, công ty X và chị T **không** bắt buộc phải tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- B. Bảo hiểm thất nghiệp.
- C. Bảo hiểm nhân thọ.
- D. Bảo hiểm y tế.

Câu 16. Loại hình bảo hiểm mà chị T tham gia là loại hình

- A. bảo hiểm dân sự bắt buộc.
- B. bảo hiểm phi thương mại.
- C. bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- D. bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Câu 17. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với chị T?

- A. Ký kết hợp đồng làm việc.
- B. Được hỗ trợ đóng phí bảo hiểm
- C. Bị mắc bệnh nghề nghiệp.
- D. Nhận trợ cấp khi tai nạn, ốm đau.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 18, 19.

Năm 2023 đã chứng kiến nhiều cột mốc quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Ngoài việc thực hiện 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA), Việt Nam còn kí kết FTA song phương với Israel (VIFTA) và hoàn tất đàm phán với UAE mở ra cánh cửa thị trường Trung Đông, với quy mô GDP khoảng 2 000 tỉ USD.

(Theo: Báo Mới, “Dấu ấn hội nhập kinh tế quốc tế năm 2023”, ngày 02/01/2024).

Câu 18. Việc Việt Nam tham gia hợp tác kinh tế quốc tế với Israel (VIFTA) thể hiện cấp độ nào của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Cấp độ đa phương.
- B. Cấp độ khu vực.
- C. Cấp độ song phương.
- D. Cấp độ toàn cầu.

Câu 19. Việc Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) sẽ đem lại lợi ích gì?

- A. Mở rộng thị trường xuất khẩu.

- B. Thu hẹp thị trường xuất, nhập khẩu.
- C. Tách biệt mối quan hệ kinh tế.
- D. Giảm nguy cơ cạnh tranh.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 20, 21.

Từ ngày 11/1/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), sự kiện lớn này đã để lại nhiều dấu ấn tích cực trên hành trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

(Trích Báo điện tử Chính phủ ngày 10/1/2022)

Câu 20. Việc gia nhập WTO là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Toàn cầu.
- B. Khu vực.
- C. Toàn quốc.
- D. Song phương.

Câu 21. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, thông qua quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ góp phần tạo ra

- A. nhiều lãnh thổ mới.
- B. những đảng phái mới.
- C. những chủng tộc mới.
- D. nhiều cơ hội việc làm.

Câu 22. Đối với hoạt động kinh tế đối ngoại thì các dịch vụ quốc tế như du lịch, giao thông vận tải, xuất nhập khẩu lao động,... có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ được gọi là

- A. thúc đẩy xuất, nhập hàng hoá.
- B. tạo nguồn thu ngoại tệ.
- C. tăng cường đầu tư quốc tế.
- D. mở rộng thương mại quốc tế.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24.

Phát triển vì con người là mô hình được Đảng và Nhà nước lựa chọn trong quá trình vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Theo đó, yêu cầu đặt ra là tăng trưởng và phát triển kinh tế hiệu quả phải gắn với việc phát triển con người. Trong thời gian qua, tăng trưởng kinh tế tuy đã có tác động tích cực đến phát triển con người, nhưng hiệu ứng tác động tích cực đang có xu hướng giảm dần. Do đó, định hướng và những giải pháp cần thiết để hướng thành quả tăng trưởng kinh tế vào phát triển con người một cách hiệu quả nhất là cần thiết hiện nay để nhằm mục tiêu hướng đến các giá trị phát triển con người.

(Theo: Tạp chí Cộng sản, “Tác động của phát triển kinh tế đến phát triển con người ở Việt Nam: Vấn đề và giải pháp”, ngày 29/8/2019).

Câu 23. Đặc trưng của mô hình Phát triển vì con người là hướng thành quả của tăng trưởng kinh tế vào phát triển

- A. xã hội.
- B. khoa học.
- C. văn hoá.
- D. con người.

Câu 24. Để tạo điều kiện cho mọi người đều có việc làm và thu nhập ổn định, có cuộc sống ấm no, có điều kiện chăm sóc sức khỏe, nâng cao tuổi thọ..., Nhà nước kiên trì theo đuổi mục tiêu

- A. tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- B. ưu tiên, đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo.
- C. đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ.
- D. đa phương hoá trong quan hệ quốc tế.

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cùng với nhiều chính sách hỗ trợ đặc biệt nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi nói chung, Đảng và Nhà nước còn ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dành riêng cho vùng Tây Nguyên như: giao đất, giao rừng cho và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hưởng quyền lợi theo quy định của Luật Đất đai, người dân có sinh kế gắn với các hoạt động trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; Mở rộng nhiều đối tượng, loại hình cho vay khác nhau, nguồn vốn, định mức vay đã được tăng lên; chính sách hỗ trợ kinh phí, sách giáo khoa, gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số; công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm được triển khai liên tục, rộng khắp, bằng nhiều giải pháp khác nhau và mang lại nhiều kết quả tích cực”.

(Trích Tạp chí cộng sản cổng thông tin điện tử ngày 19/1/2023)

a) Ở Tây nguyên, chỉ có đồng bào dân tộc thiểu số mới được hưởng các chính sách an sinh xã hội.

- b) Hỗ trợ chi phí học tập giúp học sinh có điều kiện đến trường là một trong những biểu hiện của chính sách an sinh xã hội .
- c) Việc mở rộng và thực hiện đồng bộ nhiều chính sách an sinh xã hội đã giúp đồng bào thiểu số Tây nguyên có điều kiện phát triển kinh tế.
- d) Các chính sách an sinh xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây nguyên được thực hiện trong một vài năm nhất định.

Câu 2. Năm 2008, toàn quốc chỉ có 39,7 triệu người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT), đạt tỷ lệ 46,1% dân số. Đến năm 2023, cả nước đã có hơn 93,3 triệu người tham gia BHYT, tăng gấp 2,3 lần so với năm 2008, đạt tỷ lệ 93,35% dân số, tiệm cận với mục tiêu BHYT toàn dân. Hằng năm, bình quân có trên 150 triệu lượt người khám chữa bệnh BHYT với số tiền quỹ BHYT chi trả trên 100 nghìn tỷ đồng. Hệ thống khám chữa bệnh BHYT được tổ chức tốt từ trung ương đến địa phương, bao gồm các cơ sở khám chữa bệnh công lập và tư nhân đã tạo thuận lợi giúp người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ khám chữa bệnh BHYT.”

(Trích Công thông tin điện tử Bộ y tế, ngày 24/4/2024)

- a) Chỉ có các cơ sở khám chữa bệnh công lập mới áp dụng dịch vụ khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế.
- b) Các đối tượng quy định trong Luật Bảo hiểm y tế đều tham gia bảo hiểm y tế được gọi là bảo hiểm y tế toàn dân.
- c) Quỹ bảo hiểm y tế chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế cho người dân.
- d) Hệ thống khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế ngày càng mở rộng giúp người dễ tiếp cận.

Câu 3. Theo khảo sát về thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam năm 2022, thị trường lao động trong nước chỉ có khoảng 11 % lao động có kỹ năng nghề cao và hơn 26 % người lao động đã qua đào tạo. Đáng chú ý, chỉ 5 % lao động có trình độ tiếng Anh. Thu nhập bình quân của lao động Việt Nam thấp hơn khá nhiều so với lao động trong khu vực và thế giới. Nếu không chú trọng cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, Việt Nam sẽ mất dần sức hấp dẫn thu hút đầu tư nước ngoài.

(Theo: Báo Tin tức Thông tấn xã Việt Nam, “Việt Nam đang thiếu nguồn lao động có kỹ năng nghề cao”, ngày 22/08/2022)

- a) Ở Việt Nam, xu hướng chuyển dịch lao động gắn với kỹ năng mềm ngày càng trở nên cần thiết.
- b) Trong xu thế hội nhập, trình độ tiếng Anh là yếu tố duy nhất góp phần thu hút đầu tư nước ngoài.
- c) Chất lượng nguồn nhân lực ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.
- d) Thông tin trên cho thấy, Việt Nam cần gia tăng tỉ trọng lao động chất lượng cao trên thị trường lao động.

Câu 4. Cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam giai đoạn 1986 – 2022 đã chuyển dịch theo đúng quy luật của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cụ thể: Tỉ trọng nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GDP có xu hướng giảm xuống, từ mức 38,06 % năm 1986 giảm xuống còn 24,53 % năm 2000 và còn 11,88 % vào năm 2022 (bình quân giảm 0,73%/năm); Tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng có xu hướng tăng mạnh nhất, từ mức 28,88 % năm 1986 lên mức 36,73 % năm 2000 và đạt mức 38,26 % vào năm 2022 (bình quân tăng 0,26 %/năm); Tỉ trọng nhóm ngành dịch vụ cũng có xu hướng tăng lên, từ mức 33,06 % năm 1986 lên mức 38,74 % năm 2000 và đạt mức 41,33 % vào năm 2022 (bình quân tăng 0,23 %/năm). Đây mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế là con đường duy nhất để Việt Nam hiện thực hoá mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại trong thời gian tới.

(Theo: Tạp chí Tài chính, “Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam”, ngày 19/11/2023)

- a) Trong những năm gần đây, cơ cấu ngành kinh tế của nước ta chậm có sự chuyển biến theo hướng tiên bộ.
- b) Cơ cấu của một nền kinh tế bao gồm cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế và cơ cấu xây dựng kinh tế.
- c) Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lí để giúp nước ta thu hẹp khoảng cách phát triển với thế giới.
- d) Việt Nam chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiên bộ là tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỉ trọng của ngành nông nghiệp.

----- HẾT -----

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 24)

| Mã đề Câu | 001 | 002 | 003 | 004 | 005 |
|--------------|-----|-----|-----|-----|-----|
| 1 | B | B | B | A | C |
| 2 | B | C | D | B | C |
| 3 | D | A | D | D | D |
| 4 | C | B | C | A | D |
| 5 | D | C | A | D | B |
| 6 | D | B | B | D | C |
| 7 | B | B | C | A | A |
| 8 | B | D | B | A | A |
| 9 | A | A | A | C | D |
| 10 | D | C | D | B | C |
| 11 | C | D | D | A | C |
| 12 | B | B | C | C | B |
| 13 | A | D | C | A | D |
| 14 | B | C | A | B | A |
| 15 | A | C | D | C | C |
| 16 | C | D | C | D | B |
| 17 | C | D | A | B | D |
| 18 | B | C | C | D | A |
| 19 | A | A | A | D | A |
| 20 | D | A | D | D | B |
| 21 | D | D | C | C | B |
| 22 | C | B | A | C | D |
| 23 | A | D | B | B | C |
| 24 | D | A | B | B | B |

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 4)

| Mã đề Câu | 001 | 002 | 003 | 004 | 005 |
|--------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | a)S, b)Đ, c)Đ, d)S. | a)S, b)Đ, c)Đ, d)S. | a)Đ, b)Đ, c)Đ, d)S. | a)Đ, b)S, c)Đ, d)Đ. | a)S, b)S, c)Đ, d)Đ. |
| 2 | a)S, b)S, c)Đ, d)Đ. | a)S, b)Đ, c)Đ, d)Đ. | a)Đ, b)Đ, c)S, d)S. | a)S, b)S, c)Đ, d)Đ. | a)Đ, b)Đ, c)S, d)S. |
| 3 | a)Đ, b)S, c)Đ, d)Đ. | a)Đ, b)S, c)Đ, d)Đ. | a)S, b)Đ, c)Đ, d)S. | a)Đ, b)Đ, c)Đ, d)S. | a)Đ, b)Đ, c)S, d)Đ. |
| 4 | a)Đ, b)S, c)Đ, d)Đ. | a)S, b)S, c)Đ, d)Đ. | a)Đ, b)S, c)Đ, d)Đ. | a)Đ, b)Đ, c)S, d)S. | a)S, b)Đ, c)Đ, d)Đ. |

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 24)

| Câu \ Mã đề | 006 | 007 | 008 |
|---------------------------|------------|------------|------------|
| 1 | B | A | C |
| 2 | A | A | A |
| 3 | B | C | A |
| 4 | A | D | D |
| 5 | C | C | D |
| 6 | D | A | C |
| 7 | C | D | B |
| 8 | C | A | A |
| 9 | A | B | C |
| 10 | A | D | D |
| 11 | D | B | A |
| 12 | D | D | B |
| 13 | B | D | A |
| 14 | A | A | D |
| 15 | A | B | A |
| 16 | B | D | B |
| 17 | B | C | A |
| 18 | D | D | B |
| 19 | C | B | C |
| 20 | C | C | D |
| 21 | A | A | B |
| 22 | C | A | B |
| 23 | D | B | D |
| 24 | C | B | C |

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 4)

| Câu \ Mã đề | 006 | 007 | 008 |
|---------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | a)S, b)Đ, c)S, d)Đ. | a)S, b)Đ, c)Đ, d)Đ. | a)Đ, b)S, c)Đ, d)Đ. |
| 2 | a)Đ, b)S, c)Đ, d)Đ. | a)S, b)Đ, c)Đ, d)S. | a)Đ, b)S, c)Đ, d)Đ. |
| 3 | a)S, b)Đ, c)Đ, d)S. | a)S, b)Đ, c)Đ, d)S. | a)S, b)S, c)Đ, d)Đ. |
| 4 | a)Đ, b)S, c)Đ, d)Đ. | a)S, b)Đ, c)Đ, d)Đ. | a)Đ, b)Đ, c)S, d)S. |